

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-ST
Ngày: 25/5/2021
“*V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân.
2. Bà Thạch Thị Lan Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST-DS ngày 11/6/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị D, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn N, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Đình N, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số 671 H, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2020.

2. Bị đơn: Bà Phạm Mỹ H, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Thôn 4, xã G, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị Nh, sinh năm: 1980.

- Ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Đội 6, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Trú tại: Thôn 4, xã G, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(*Ông N, bà H, bà Nh có mặt, bà D, ông T vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đào Thị D trình bày:* Do là mẹ con với nhau nên ngày 20/6/2017 bà Đào Thị D có cho bà Phạm Mỹ H vay số tiền 500.000.000đồng; ngày 07/7/2017 bà D cho bà H vay 1.500.000.000đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng sau đó đến hạn trả nợ bà H không trả nợ cho bà D. Vì vậy, bà D giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà H phải trả cho bà D số tiền 500.000.000đồng nợ gốc vay ngày 20/6/2017 và 35 tháng nợ lãi là 145.250.000đồng; số tiền 1.500.000.000đồng nợ gốc vay ngày 07/7/2017 và 34 tháng nợ lãi là 423.300.000đồng. Tổng cộng là 2.568.550.000đồng (Hai tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 07/7/2017 bà D cũng cho bà Ngô Thị Nh vay số tiền 1.500.000.000đồng nhưng đây là quan hệ vay mượn khác chỉ trùng ngày với nhau, không liên quan đến khoản nợ bà D khởi kiện bà H. Bà D khẳng định không khởi kiện bà Nh. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

- *Bị đơn bà Phạm Mỹ H trình bày:* Ngày 20/6/2017 bà có ký vay của bà D số tiền 500.000.000đồng. Ngày 07/7/2017 bà có ký giấy vay số tiền 1.500.000.000đồng nhưng do bà Ngô Thị Nh thỏa thuận vay của Dung. Khi bà Nh và bà D thỏa thuận xong thì nhờ bà ký giấy vay với bà D giúp cho bà Nh, chứ bà không nhận số tiền này từ bà D. Sau đó, bà D chuyển khoản cho bà Nh để bà Nh đặt cọc mua cây xăng. Bà D chuyển khoản cho bà Nh như thế nào thì bà không biết. Bà khẳng định bà không vay số tiền 1.500.000.000đồng của bà D nên bà cũng không biết lãi suất hai bên thỏa thuận như thế nào. Ngày 13/7/2017 bà đã trả cho bà D số tiền gốc 500.000.000đồng vay vào ngày 20/6/2017. Sau đó, bà Nh đã gửi tiền cho bà để trả tiền cho bà D, cụ thể: Ngày 24/7/2017 bà và ông Chủ Kim Mỹ có rút tiền ở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), chi nhánh Đà Lạt đến trả cho bà D 800.000.000đồng; Ngày 27/7/2017 bà và ông Mỹ rút tiền Ngân hàng (không nhớ Ngân hàng nào) tiếp tục trả cho bà D 700.000.000đồng. Như vậy, bà đã trả đủ 2.000.000.000đồng tiền gốc cho bà D nhưng các lần trả này do là mẹ con với nhau nên không viết giấy tờ gì. Tiền lãi bà có trả nhiều lần nhưng trả bao nhiêu thì bà không nhớ và bà cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả. Nay bà D cho rằng bà chưa trả 500.000.000đồng thì do bà đã trả nhưng không viết giấy tờ nên bà đồng ý trả cho bà D. Còn số tiền 1.500.000.000đồng bà không vay mà bà chỉ ký giấy giúp cho bà Nh nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà D. Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Nh trình bày:* Ngày 07/7/2017 bà thỏa thuận với bà D vay số tiền là 1.500.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận ngoài, không thỏa thuận thời hạn trả. Số tiền này không liên quan đến chồng

bà là ông Nguyễn Anh T, vì tất cả giao dịch do chồng bà không biết. Số tiền 1.500.000.000đồng bà đã chuyển cho mẹ bà là bà H để trả cho bà D còn việc mẹ bà trả cho bà D như thế nào thì bà hoàn toàn không biết. Nay bà D khởi kiện bà H trả số tiền gốc 2.000.000.000đồng, trong đó có 1.500.000.000đồng bà vay nên bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà D. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điều 463, 466, khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị D, buộc bà Phạm Mỹ H phải trả cho bà D số tiền gốc là 1.300.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D nên buộc bà D phải chịu án phí dân sự trên số tiền không được chấp nhận. Bị đơn bà H đã trên 60 tuổi, thuộc diện người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa anh Tuấn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh Tuấn.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc bà Đào Thị D cho bà Phạm Mỹ H vay số tiền 500.000.000đồng vào ngày 20/6/2017, đến ngày 07/7/2017 bà H vay 1.500.000.000đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận 10 ngày sẽ trả tiền gốc, tiền lãi. Đến hạn bà H không trả tiền gốc, tiền lãi cho bà D theo thỏa thuận nên các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 20/6/2017 bà Phạm Mỹ H vay 500.000.000đ tiền gốc của bà Đào Thị D, việc vay tiền có viết giấy vay, thời hạn là 10 ngày. Đến ngày 07/7/2017 bà H vay thêm số tiền 1.500.000.000đồng, hai bên viết giấy vay, thời hạn vay là 08 ngày bà H trả tiền gốc và tiền lãi cho bà D. Đến hạn bà H không trả tiền, bà D đã yêu cầu nhiều lần không được nên bà D khởi kiện yêu cầu bà H phải trả 2.000.000.000đồng tiền gốc và lãi suất 0.83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Đối với bị đơn bà Phạm Mỹ H cho rằng: Ngày 20/6/2020 bà viết giấy vay 500.000.000đồng của bà D, thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng từ 3000đồng đến 5000đ/triệu/ngày. Đến ngày 07/7/2017 bà viết giấy vay tiền 1.500.000.000đồng, sau khi bà viết giấy vay cùng ngày thì bà D chuyển số tiền 1.500.000.000đồng cho bà Nh (con dâu bà H) ở huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, bà không nhận trực tiếp số tiền này từ bà D. Sau khi bà vay tiền của bà D, đến ngày 14/7/2017 bà đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho bà D, nhưng vì là mẹ con với nhau nên việc trả tiền gốc và tiền lãi hai bên không viết giấy tờ gì. Nay bà D yêu cầu bà phải trả 2.000.000.000đồng tiền gốc và lãi suất 0.83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 20/6/2017 cho đến ngày xét xử thì bà H không chấp nhận yêu cầu của bà D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 20/6/2017 bà H viết giấy “*con cho mẹ vay 500.000.000đồng, thời gian 10 ngày – sẽ hoàn trả*” (BL14), lãi suất hai bên thỏa thuận. Đến ngày 07/7/2017 bà H viết giấy “*Mẹ vay con 1 tỷ 500 triệu, đến ngày 14-7 = 8 ngày*”(BL15). Sau khi bà H viết giấy vay 1.500.000.000đồng với bà D thì cùng ngày bà D chuyển vào tài khoản của bà Ngô Thị Nh tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên số tiền 1.500.000.000đồng. Do vậy, cần xác định số tiền 1.500.000.000đồng bà H viết giấy vay ngày 07/7/2017 và số tiền bà D chuyển vào tài khoản cho bà Nh ngày 07/7/2017 là một khoản tiền. Việc bà H viết giấy vay 1.500.000.000đồng với bà D là để bảo lãnh cho bà Nh thì bà D mới chuyển 1.500.000.000đồng cho bà Nh là phù hợp với giấy vay ngày 07/7/2017 do bà H viết và ký ra. Như vậy, tổng số tiền bà H vay bà D là 2.000.000.000đồng. Sau khi vay số tiền này, đến hạn “*Hôm nay mẹ trả con trước 700.000.000đ tiền gốc của 1 tỷ*” được thể hiện tại giấy vay ngày 14-7-2017 (BL15) có chữ ký của bà Phạm Mỹ H. Như vậy, có cơ sở khẳng định bà H đã trả cho bà D số tiền gốc 700.000.000đồng vào ngày 14/7/2017 là hoàn toàn phù hợp. Số tiền bà H còn nợ bà D là 1.300.000.000đồng, bà H cho rằng bà đã trả hết số tiền cho bà D thì thấy rằng: Trong thời gian thụ lý, giải quyết vụ án, ông Tâm (con trai bà H) xuất trình 01 USB về cuộc hội thoại vay, trả tiền giữa bà H với

bà D. Ngày 02/12/2020 Tòa án lập biên bản làm việc giữa ông Tâm và bà D về nội dung ghi âm trong USB thì bà D thừa nhận. Giọng nói trong cuộc nói chuyện lưu trữ trong USB là giọng nói của bà với ông Tâm. Đến ngày 10/12/2020 Tòa án quyết định trưng cầu giám định nội dung cuộc hội thoại lưu trong USB tại Công an tỉnh Lâm Đồng. Tại kết luận giám định số 2184/GĐ-PC09 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng giám định “Dịch nội dung hội thoại lưu trong USB”. Tại trang 7 dòng 15 tính từ trên xuống, giọng nữ: “*Mẹ đưa 1 tỷ đấy chị đủ trả tiền lãi không*” (BL72). Như vậy, trong thời gian vay tiền bà H đã trả được cho bà D 1.000.000.000đồng tiền gốc. Do vậy cần khấu trừ 1.000.000.000đồng tiền gốc vào số tiền 2.000.000.000đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Như vậy có cơ sở xác định bà Phạm Mỹ H đã trả cho bà Đào Thị D 02 lần với số tiền là 1.700.000.000đồng. Số tiền gốc còn nợ lại 300.000.000đồng cần buộc bà H phải trả cho bà D và phải chịu lãi suất 0.83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 15/7/2017 cho đến ngày xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tiền lãi được tính như sau: Ngày 15/7/2017 đến ngày 25/5/2021 = 45 tháng 10 ngày. $(300.000.000\text{đồng} \times 0.83\%/tháng \times 45\text{ tháng}) = 112.050.000\text{đồng}$. $(300.000.000\text{đồng} \times 0.83\%/tháng \times 10\text{ ngày} : 30) = 830.000\text{đồng}$.

Do vậy buộc bà Phạm Mỹ H phải trả 112.880.000đồng tiền lãi cho bà Đào Thị D. Cộng chung tiền gốc và tiền lãi là: 412.880.000đồng $(300.000.000\text{đồng} + 112.880.000\text{đồng} = 412.880.000\text{đồng})$ bà H tiếp tục chịu tiền lãi cho đến khi trả hết số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Nh cho rằng: Ngày 07/7/2017 bà nhờ bà Phạm Mỹ H (mẹ chồng) ký giấy vay 1.500.000.000đồng của bà D để bà đặt cọc mua cây xăng ở tỉnh Điện Biên, do bà ở xa, lại không có tài sản để thế chấp cho bà D nên bà có nhờ bà H viết giấy vay tiền với bà D. Ngày 07/7/2017 bà H viết giấy vay 1.500.000.000đồng với bà D thì cùng ngày 07/7/2017 bà D đã chuyển 1.500.000.000đồng vào tài khoản của bà tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện Điện Biên (BL20) là cùng một khoản tiền. Sau khi bà vay số tiền trên bà đã chuyển tiền nhiều lần cho bà H để trả cho bà D, việc bà H trả tiền cho bà D như thế nào thì bà không biết. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bà D cho rằng: Ngày 07/7/2017 bà chuyển cho bà Nh vay số tiền 1.500.000.000đồng vào là giao dịch vay khác, không liên quan đến số tiền mà bà cho bà H vay ngày 7/7/2017 nên bà D không khởi kiện bà Nh số tiền 1.500.000.000đồng. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Anh T (chồng bà Nh) không liên quan đến số tiền 1.500.000.000đồng bà D cho bà H vay và cũng không liên quan đến số tiền bà D

chuyển cho bà Nh vay ngày 07/7/2017 nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết đối với ông T trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận.

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay bà Phạm Mỹ H nay đã 68 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị D. Buộc bà Phạm Mỹ H phải trả cho bà Đào Thị D số tiền là 412.880.000đồng (*Bốn trăm mười hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*), trong đó 300.000.000đồng (*Ba trăm triệu đồng*) tiền gốc và 112.880.000đồng (*Một trăm mười hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền lãi. Bà H tiếp tục chịu tiền lãi tính từ ngày tiếp theo (26/5/2021) cho đến khi trả hết số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2. Về án phí: Buộc bà Đào Thị D phải nộp 63.000.000đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 28.528.000đồng (*Hai mươi tám triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007478 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Bà D còn phải nộp

34.472.000đồng (Ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Mỹ H.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/5/2021) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn